

Số: 867/GPMT

TP. Lạng Sơn, ngày 22 tháng 4 năm 2022

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 227/TTr-TNMT ngày 22 tháng 4 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ tại Khu đô thị mới phía đông, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nâng cấp, cải tạo bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 78, đường Lê Hồng Phong, Phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 09/08/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Hạng mục xây mới: Nhà điều trị kỹ thuật 02 tầng, kích thước 21x19,3m, diện tích xây dựng 415m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 830m<sup>2</sup>. Nhà Khoa quản lý nhiễm khuẩn 01 tầng, kích thước 10,5x4,5m, diện tích xây dựng bằng diện tích sàn 50,6m<sup>2</sup>.

- Hạng mục phụ trợ: xây dựng hành lang nổi 2 dãy nhà điều trị và nhà hành chính hiện tại; xây dựng mới lại hàng rào có cột bê tông cốt thép chạy quanh bệnh viện dài 153 m và bóc vữa, trát sơn lại đoạn tường rào cũ dài 47,5 m cao 2 m. Hệ thống rãnh thoát nước quanh nhà xây mới dài 78m và rãnh thoát cạnh tường rào dài 12 m. Lát nền bê tông và làm bồn tiểu cảnh khu vực sân 170m<sup>2</sup> ; dựng lại nhà đa năng cũ theo hiện trạng diện tích 17x19 m chiều cao tới đỉnh mái là 8,5 m; phá dỡ tường, tháo dỡ vách kính khung nhôm làm lối đi thông hành lang tầng 1, tầng 2 nhà hành chính.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 22 tháng 4 năm 2022 đến ngày 21 tháng 4 năm 2032).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND phường Tam Thanh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Ban QLDADTXD tỉnh;
- CT, PCT UBND TP;
- Phòng TNMT TP;
- UBND P. Tam Thanh;
- Trang TTĐT TP;
- Lưu, XD.

**TM. UBND THÀNH PHỐ  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Công Dũng**

## Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số 867/GPMT ngày 22 tháng 4 năm 2022 của UBND thành phố)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

## 1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh do quá trình vệ sinh của công nhân viên và bệnh nhân tại bệnh viện.

+ Nước mưa chảy tràn: Phát sinh khi trời mưa chảy tràn trên bề mặt dự án. Tuy nhiên nước mưa chảy tràn hầu như được coi là sạch nên chỉ cần lắng qua hồ lắng là có thể thoát thẳng ra môi trường. Do đó ta không tính lưu lượng xả đối với nước mưa.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh, khu hành chính và khu tập thể của CBCNV Bệnh viện được thu gom về hệ thống bể tự hoại 03 ngăn để xử lý. Nước thải từ bể tự hoại được đưa về HTXLNT tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày đêm để loại bỏ các vi sinh vật, vi khuẩn gây bệnh tồn tại trong nước thải đảm bảo đầu ra của nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột B quy định giá trị C.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

+ Các chất ô nhiễm: pH, BOD<sub>5</sub>(20<sup>0</sup>C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, Tổng Coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.

+ Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Lấy theo tiêu chuẩn so sánh QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột B quy định giá trị C.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: 01 vị trí tại điểm xả thải ra cống thoát nước chung đường Lê Hồng Phong: X = 02417 932; Y = 448 428.

- Phương thức xả thải: Bơm tự động ra hệ thống cống thoát nước chung.

- Nguồn tiếp nhận: Sông Kỳ Cùng, đoạn chảy qua thành phố Lạng Sơn.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Kỳ Cùng, đoạn chảy qua thành phố Lạng Sơn.

## 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Đường Lê Hồng Phong, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 02417 932; Y = 448 428.

## 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m<sup>3</sup> /ngày đêm; 6,25 m<sup>3</sup> /giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Hệ thống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước tiếp nhận và phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là bơm tự động ra hệ thống cống thoát nước chung.

## 2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải đáp ứng yêu cầu chất lượng cột B theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

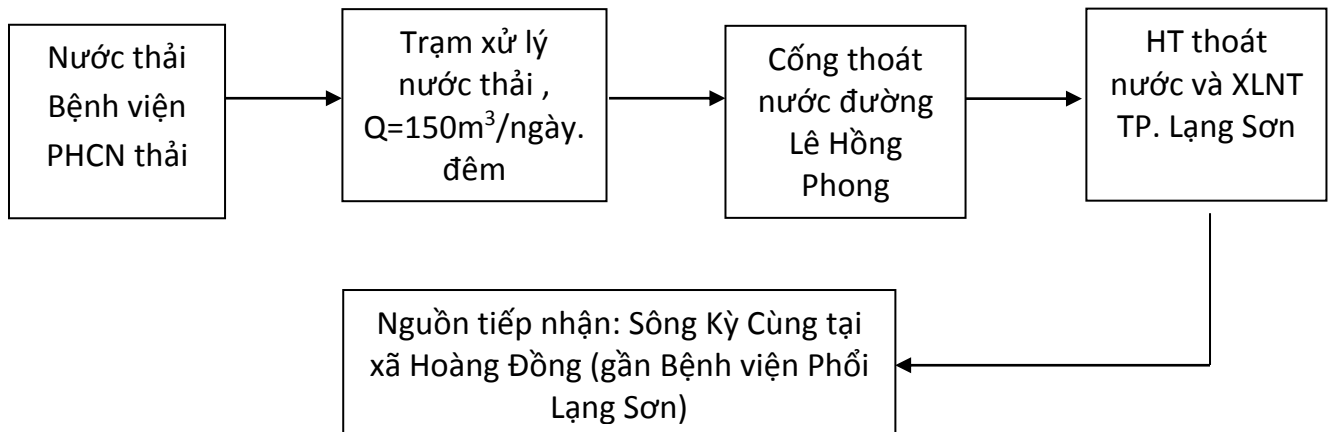
TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 $\div$ 8,5	6 tháng/lần	Không thực hiện
2	BOD5 (200C)	mg/L	50		
3	COD	mg/L	100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20		
6	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	10		
7	Sunfua (S <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	mg/L	4,0		
8	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/L	50		
10	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Bq/L	0,1		
11	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Bq/L	1		

12	Coliform	MPN/100mL	5.000		
13	Salmonella	Vi khuẩn/100mL	KHP		
14	Shigella	Vi khuẩn/100mL	KHP		
15	Vibrio Cholearae	Vi khuẩn/100mL	KHP		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

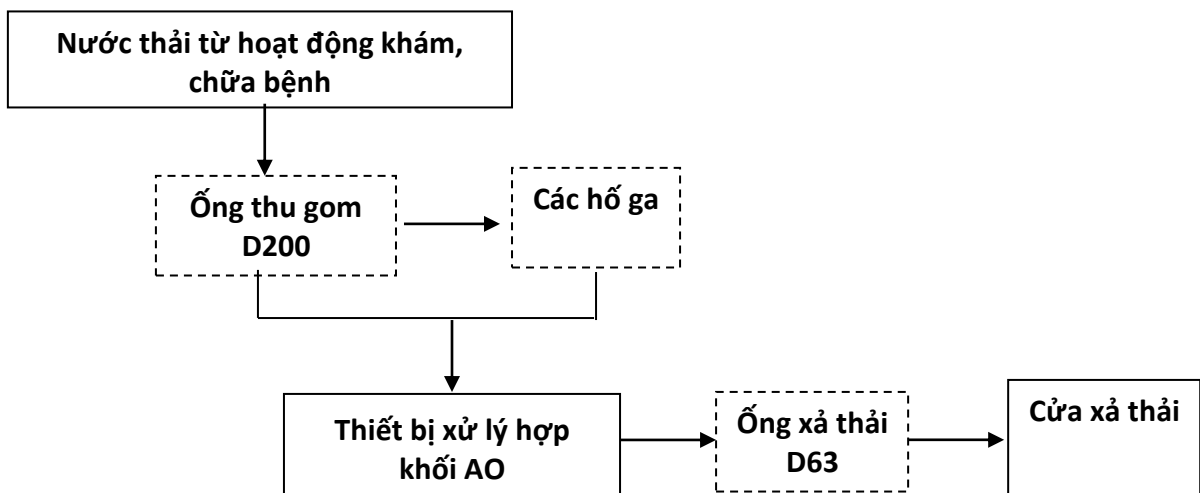
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 150 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất Chlorine được sử dụng trong bể khử trùng. Bể khử trùng là công đoạn cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải. Hàm lượng chlorine được châm tự động vào bể khử trùng nhờ bơm định lượng để loại bỏ các vi sinh vật, vi khuẩn gây bệnh tồn tại trong nước thải.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

TT	Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất tập trung công suất 150 m <sup>3</sup> /ngày đêm	01/6/2024	30/10/2024	100 m <sup>3</sup> /ngày đêm - 120 m <sup>3</sup> /ngày đêm

### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đường Lê Hồng Phong, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 02417 932; Y = 448 428.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	6,5 ÷ 8,5
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/L	50
3	COD	mg/L	100
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20
6	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	10
7	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	4,0

8	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/L	50
10	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha$	Bq/L	0,1
11	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta$	Bq/L	1
12	Coliform	MPN/100mL	5.000
13	Salmonella	Vi khuẩn/100mL	KHP
14	Shigella	Vi khuẩn/100mL	KHP
15	Vibrio Cholearae	Vi khuẩn/100mL	KHP

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian lấy mẫu và phân tích mẫu trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất:
  - + Lấy mẫu tổ hợp với tần suất 15 ngày/lần x 5 lần. (75 ngày)
  - + Thời gian lấy mẫu tổ hợp: 03 lần/giai đoạn; Sáng (8h-9h), trưa (11h-12h), chiều (14h-15h).
  - + Thời gian dự kiến quan trắc: 75 ngày tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.
- Thời gian lấy mẫu và phân tích mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định:
  - + Lấy mẫu: 03 mẫu/3 ngày.
  - + Thời gian quan trắc: Sau khi kết thúc giai đoạn điều chỉnh, hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.



## Phụ lục 2

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 867/GPMT ngày 22 tháng 4 năm 2022 của UBND thành phố)

## 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

## 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	Hấp	854
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	Hấp	
3	Chất thải giải phẫu	13 01 01	Hấp	
4	Chất thải nguy hại khác	-	Hấp	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn xây dựng phát sinh: Lượng chất thải rắn phát sinh xây dựng là 650,08 tấn phát sinh trong quá trình đào móng công trình.

## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên bệnh viện và bệnh nhân: 132,5 kg/ngày.

## 1.4. Khối lượng chất thải y tế không nguy hại phát sinh:

Chất thải y tế không nguy hại phát sinh từ quá trình khám, chữa bệnh: 21,06 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải y tế:

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Lò hấp rác thải y tế	- Thể tích: 252/49 L - Áp suất 5.4 – 7.2 bar - Điện áp: 400V - Công suất: 15 kg/1,5h	01
2	Tủ lạnh lưu trữ chất thải	-	01

### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Nồi hấp chất thải: Kết cấu vỏ inox, thể tích 252/49l, nhiệt độ sử dụng 5 – 150 °C, vận hành bằng điện áp 400V, công suất 15kg/1,5h.
- Tủ bảo quản lạnh: Kết cấu vỏ inox, vận hành bằng điện áp 230V.

### 2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 18 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Công trình cấp IV, cao 01 tầng. Tường xây gạch.
- Khả năng lưu giữ tối đa (tấn): khoảng 2 tấn.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn xây dựng:

Khối lượng chất thải rắn xây dựng được xúc lên xe tải vận chuyển tới vị trí đổ thải. Vị trí đổ thải tại bãi rác Tân Lang thuộc Xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn của Công ty TNHH Huy Hoàng quản lý. Đơn vị thi công sẽ chịu trách nhiệm liên hệ và thống nhất với Công ty TNHH Huy Hoàng về vị trí đổ thải trong quá trình xây dựng.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng chứa đựng rác thải sinh hoạt khoảng 100 cái. Trong đó:

- + Thùng 10l: 90 cái
- + Thùng 100l: 10 cái

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: Dự án không có kho lưu giữ rác thải sinh hoạt. Rác được thu gom vào các thùng chứa 100l và được đơn vị có đủ chức năng đến thu gom hàng ngày.